

Số: 174/2024/TLST-HNGĐ

Quận 5, ngày 26 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Xuân C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D P, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số D P, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 70/KH/09, quyển số 01/P7 đăng ký ngày 29 tháng 07 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 (mười) năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, trong quá trình chung sống ông bà không còn hòa hợp về tính cách, lối sống. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng sau thời gian dài gần 01 (một) năm sống ly thân vẫn không thể khắc phục. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 64/KS/10, Quyền số 01/P7 đăng ký ngày 26/04/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T thì ông bà có 01 (một) người con chung có tên họ tên là: Lê Minh V, sinh ngày 16/04/2010.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 01 (một) người con chung có tên họ tên là: Lê Minh V, sinh ngày 16/04/2010 cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Xuân C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 07 năm 2024 đến khi có căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp ông Lê Xuân C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Lê Xuân C phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T xác nhận không có nợ chung, không có nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18 tháng 6 năm 2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 70/KH/09, quyền số 01/P7 đăng ký ngày 29 tháng 07 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T có 01 (một) người con chung, họ và tên: Lê Minh V, sinh ngày 16/04/2010.

Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 01 (một) người con chung, họ và tên: Lê Minh V, sinh ngày 16/04/2010 cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Xuân C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 07 năm 2024 đến khi có căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp ông Lê Xuân C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Lê Xuân C phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Xuân C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm non, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T xác nhận không có nợ chung, không có nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0036136 ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Lê Xuân C và bà Trần Thị Thùy T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hoà